

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 27/01/2026.
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2025/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M – sinh năm 1981, có mặt.
Địa chỉ: ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Ông Lê Văn N – sinh năm 1982, có mặt.
Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2025, bản tự khai và lời trình bày của ông Phạm Văn M như sau:

Vào ngày 26/3/2025, ông và ông Lê Văn N có giao dịch về việc đi hợp tác lao động xuất khẩu Đài Loan, ông có đưa cho ông Lê Văn N số tiền 120.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, phía ông Lê Văn N không thực hiện được thỏa thuận, ông đồng ý trả cho ông Lê Văn N 20.000.000 đồng tiền phí, số tiền còn lại

ông Lê Văn N chỉ trả lại được 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng ông Lê Văn N không trả cho ông.

Ông yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn N phải trả cho ông số tiền còn nợ bằng 80.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Ông thừa nhận có nhận số tiền mà ông M trình bày và hiện ông còn nợ ông Phạm Văn M số tiền 80.000.000 đồng như ông M trình bày. Do làm ăn thua lỗ nên ông chưa có đủ tiền trả cho ông Phạm Văn M.

Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M, ông đồng ý trả cho ông Phạm Văn M số tiền 80.000.000 đồng, nhưng hiện ông không có khả năng trả 01 lần nên xin trả số tiền trên bằng cách trả dần hàng tháng, mỗi tháng ông trả cho ông Phạm Văn M số tiền 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả nợ vào ngày 15/01/2026 cho đến khi trả hết số tiền này.

Nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày thêm: Ông không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Văn N.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Lê Văn N phải trả cho ông M số tiền còn nợ bằng 80.000.000 đồng và không đồng ý cho ông N trả dần số tiền này, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn N thừa nhận hiện còn nợ ông Phạm Văn M số tiền 80.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho ông M cho đến khi hết số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Phạm Văn M với ông Lê Văn N là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm Văn M với ông Lê Văn N là tranh chấp về đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Giữa ông Phạm Văn M với ông Lê Văn N có giao dịch về việc ông Lê Văn N lo cho ông Phạm Văn M đi hợp tác lao động ở Đài Loan, ông M có đưa cho ông Lê Văn N số tiền 120.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản nhưng phía ông N không thực hiện được thỏa thuận đưa ông M sang Đài Loan làm việc. Tuy nhiên, ông N không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền lại cho ông M. Ông Lê Văn N thừa nhận hiện tại còn nợ ông M số tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền còn nợ cho ông Phạm Văn M nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông M không cần phải chứng minh, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông M đối với số tiền 80.000.000 đồng hiện ông N còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông Lê Văn N xin trả số tiền 80.000.000 đồng cho ông Phạm Văn M bằng cách trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền này, tuy nhiên, phía ông M không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Lê Văn N phải nộp 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Ông M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 164 và 166 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Xử: Buộc ông Lê Văn N phải trả cho ông mọ số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Phạm Văn M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn N không trả đủ số tiền trên cho ông Phạm Văn M thì hàng tháng ông Lê Văn N còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Văn N phải nộp số tiền 4.000.000 đồng.

Ông Phạm Văn M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009928 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang